CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NỘI DUNG THAM VẤN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

1. Thông tin về dự án

1.1 Thông tin chung: tên dự án, địa điểm thực hiện, chủ dự án đầu tư

- Tên dự án đầu tư: Cụm công nghiệp Mỹ Phú.
- Địa điểm thực hiện: Ấp Mỹ Thuận, xã Vĩnh Thạnh Trung, tỉnh An Giang.
- Chủ dự án đầu tư: Công ty TNHH Mỹ Luông 689.
- Địa chỉ: Số 279, Đường Bờ Tây, phường Châu Đốc, tỉnh An Giang.
- Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Đình Huấn Chức vụ: Giám đốc

1.2 Phạm vi, quy mô, công suất

a. Phạm vi

Phạm vi thực hiện án:

Dự án Cụm công nghiệp Mỹ Phú có tổng diện tích là 733.250 m^2; vị trí xây dựng tại ấp Mỹ Thuận, xã Vĩnh Thạnh Trung, tỉnh An Giang.

Quy mô đầu tư bao gồm các hạng mục thi công san nền; xây dựng hệ thống giao thông nội bộ; hệ thống cấp, thoát nước; hệ thống xử lý nước thải, thu gom và xử lý chất thải rắn; hệ thống cấp điện; hệ thống chiếu sáng công cộng; hệ thống PCCC; hệ thống thông tin liên lạc; cây xanh; bến thủy nội địa quy mô 5.000 tấn; hạ tầng cơ sở phát triển dịch vụ logistic; nạo vét thông luồng,…

Phạm vi thực hiện báo cáo đánh giá tác động môi trường

- Các hạng mục công trình và hoạt động của công trình đầu tư thuộc phạm vi báo cáo ĐTM:

+ Xây dựng và vận hành các hạng mục hạ tầng kỹ thuật: san nền; hệ thống giao thông nội bộ; hệ thống cấp điện - chiếu sáng giao thông; hệ thống thông tin liên lạc; hệ thống phòng cháy chữa cháy; cây xanh; khu lưu giữ tạm thời chất thải; cấp thoát nước và xử lý nước thải; bến thủy nội địa quy mô 5.000 tấn; hạ tầng cơ sở phát triển dịch vụ logistic; nạo vét thông luồng. Trong đó:

+ Hạng mục Trạm XLNT tập trung có tổng công suất 1.200m^3/ngày

+ Kho lưu giữ tạm thời CTR và CTNH với tổng diện tích 2.305 m^2 được xây dựng phục vụ cho công tác lưu chứa tạm thời chất thải phát sinh trong quá trình vận hành Trạm XLNT tập trung và quản lý các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của KCN.

- Các hạng mục công trình không thuộc phạm vi báo cáo đánh giá tác động môi trường:

+ Hoạt động khai thác, vận chuyển nguyên liệu, vật liệu bên ngoài dự án phục vụ

thi công hạ tầng và xây dựng các công trình;

+ Hoạt động vận chuyển các nguyên, nhiên, vật liệu phục vụ thi công xây dựng và sản xuất của các Nhà máy, xí nghiệp trong cụm công nghiệp.

+ Hoạt động di dân, tái định cư.

b. Quy mô, công suất

- Quy mô diện tích: 733.250 m^2, có cơ cấu sử dụng đất như sau:

Bảng 1. Tổng hợp cơ cấu sử dụng đất của dự án

Stt	Loại đất	Diện tích (m^2)	Tỷ lệ (%)
A	**Đất xây dựng công trình**	**513.216**	**70**
1	**Đất công trình sản xuất công nghiệp**	**478.835**	**65,30**
2	**Đất hạ tầng kỹ thuật**	**13.967**	**1,90**
2.1	Trạm biến áp	*1.452*	*0,20*
2.2	*Trạm cấp nước*	*5.225*	*0,71*
2.3	*Trạm thu gom chất thải rắn*	*2.305*	*0,31*
2.4	*Khu vực xử lý nước thải*	*4.985*	*0,68*
3	**Đất công trình phụ trợ - logistic**	**5.552**	**0,76**
3.1	*Đất công trình logistic - cầu cảng*	5.552	0,76
4	**Đất công trình hành chính - dịch vụ**	**14.862**	**2,03**
B	**Đất cây xanh - thảm cỏ**	**94.440**	**12,88**
C	**Đất giao thông**	**126.118**	**17,20**
	Tổng cộng	**733.250**	**100**

+ Về chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất cụ thể như sau:

STT		Loại đất	Mã lô đất	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
		Đất xây dựng công trình						**70**
I		**Đất công trình sản xuất công nghiệp**					**478.835**	**65,30**
A		**Đất nhà máy - khu a**	**A**				**98.420**	**13,42**
	1	*Khu nhà máy a1*	*A1*	*70*	*2*	*1.4*	*22.058*	*3,01*
	2	*Khu nhà máy a2*	*A2*	*70*	*2*	*1.4*	*27.128*	*3,70*
	3	*Khu nhà máy a3*	*A3*	*70*	*2*	*1.4*	*24.770*	*3,38*
	4	*Khu nhà máy a4*	*A4*	*70*	*2*	*1.4*	*24.464*	*3,34*
B		**Đất nhà máy - khu b**	**B**				**98.936**	**13,49**
	1	*Khu nhà máy b1*	*B1*	*70*	*2*	*1.4*	*19.717*	*2,69*
	2	*Khu nhà máy b2*	*B2*	*70*	*2*	*1.4*	*20.664*	*2,82*
	3	*Khu nhà máy b3*	*B3*	*70*	*2*	*1.4*	*17.626*	*2,40*
	4	*Khu nhà máy b4*	*B4*	*70*	*2*	*1.4*	*20.197*	*2,75*
	5	*Khu nhà máy b5*	*B5*	*70*	*2*	*1.4*	*20.733*	*2,83*
C		**Đất nhà máy - khu c**	***C***				**82.175**	**11,21**
	1	*Khu nhà máy c1*	*C1*	*70*	*2*	*1.4*	*17.437*	*2,38*
	2	*Khu nhà máy c2*	*C2*	*70*	*2*	*1.4*	*17.061*	*2,33*
	3	*Khu nhà máy c3*	*C3*	*70*	*2*	*1.4*	*14.620*	*1,99*

STT		Loại đất	Mã lô đất	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
	4	*Khu nhà máy c4*	*C4*	*70*	*2*	*1.4*	*14.378*	*1,96*
	5	*Khu nhà máy c5*	*C5*	*70*	*2*	*1.4*	*18.679*	*2,55*
D		**Đất nhà máy - khu d**	***D***				**81.019**	**11,05**
	1	*Khu nhà máy d1*	*D1*	*70*	*2*	*1.4*	*17.878*	*2,44*
	2	*Khu nhà máy d2*	*D2*	*70*	*2*	*1.4*	*19.347*	*2,64*
	3	*Khu nhà máy d3*	*D3*	*70*	*2*	*1.4*	*13.861*	*1,89*
	4	*Khu nhà máy d4*	*D4*	*70*	*2*	*1.4*	*12.983*	*1,77*
	5	*Khu nhà máy d5*	*D5*	*70*	*2*	*1.4*	*16.950*	*2,31*
E		**Đất nhà máy - khu e**	***E***				**62.768**	**8,56**
	1	*Khu nhà máy e1*	*E1*	*70*	*2*	*1.4*	*18.012*	*2,46*
	2	*Khu nhà máy e2*	*E2*	*70*	*2*	*1.4*	*18.745*	*2,56*
	3	*Khu nhà máy e3*	*E3*	*70*	*2*	*1.4*	*18.368*	*2,51*
	4	*Khu nhà máy e4*	*E4*	*70*	*2*	*1.4*	*7.643*	*1,04*
F		**Đất nhà máy - khu f**	***F***				**55.517**	**7,57**
	1	*Khu nhà máy f1*	*F1*	*70*	*2*	*1.4*	*10.975*	*1,50*
	2	*Khu nhà máy f2*	*F2*	*70*	*2*	*1.4*	*10.927*	*1,49*
	3	*Khu nhà máy f3*	*F3*	*70*	*2*	*1.4*	*10.672*	*1,46*
	4	*Khu nhà máy f4*	*F4*	*70*	*2*	*1.4*	*10.004*	*1,36*
	5	*Khu nhà máy f5*	*F5*	*70*	*2*	*1.4*	*12.940*	*1,76*
II		**Đất công trình phụ trợ - logistic**					**5.552**	**0,76**
C		**Công trình logistic bến thuỷ nội địa**	**P**				**5.552**	**0,76**
		Công trình xây dựng bến thuỷ nội địa	*P*	*0*	*0*	*1*	*5.552*	*0,76*
III		**Đất hạ tầng kỹ thuật**					**13.994**	**1,91**
1		Trạm cấp nước	CN	65	0.65	1	5.225	0,71
2		Trạm biến áp	BA	65	0.65	1	1.452	0,20
3		Khu vực xử lý nước thải	NT	65	0.65	1	5.012	0,68
4		Khu vực tập kết chất thải rắn	CTR	65	0.65	1	2.305	0,31
IV		**Đất công trình hành chính - dịch vụ**					**14.862**	**2,03**
1		Ban quản lý cụm công nghiệp	HC	60	1.8	3	1.486	0,20
2		Công trình dịch vụ công cộng - tiện ích - phúc lợi	DV				13.375	1,82
	1	*Khu dịch vụ 1*	*DV1*	*60*	*1.2*	*2*	*5.977*	*0,82*
	2	*Khu phúc lợi nhà ở công nhân 1*	*NO1*	*60*	*1.2*	*2*	*3.593*	*0,49*
	3	*Khu phúc lợi nhà ở công nhân 2*	*NO2*	*60*	*1.2*	*2*	*3.805*	*0,52*
V		**Đất giao thông**					**126.118**	**17,20**

STT		Loại đất	Mã lô đất	Mật độ xây dựng tối đa (%)	Tầng cao tối đa (tầng)	Hệ số sử dụng đất	Diện tích (m2)	Tỷ lệ (%)
1		Đất giao thông nội khu	GT				126.118	17,20
VI		**Đất cây xanh**					**94.440**	**12,88**
1		Cây xanh cảnh quan	CX	-	-	-	1.584	0,22
2		Cây xanh cách ly	CXL				92.856	12,66
		Cây xanh cách ly 1	*CXL1*	-	-	-	*4.496*	*0,61*
		Cây xanh cách ly 2	*CXL2*	-	-	-	*13.705*	*1,87*
		Cây xanh cách ly 3	*CXL3*	-	-	-	*28.192*	*3,84*
		Cây xanh cách ly 4	*CXL4*	-	-	-	*5.165*	*0,70*
		Cây xanh cách ly 5	*CXL5*	-	-	-	*3.719*	*0,51*
		Cây xanh cách ly 6	*CXL6*	-	-	-	*10.534*	*1,44*
		Cây xanh cách ly 7	*CXL7*	-	-	-	*4.642*	*0,63*
		Cây xanh cách ly 8	*CXL8*	-	-	-	*9.635*	*1,31*
		Cây xanh cách ly 9	*CXL9*	-	-	-	*5.750*	*0,78*
		Cây xanh cách ly 10	*CXL10*	-	-	-	*1.396*	*0,19*
		Cây xanh cách ly 11	*CXL11*	-	-	-	*5.622*	*0,77*
		Tổng cộng					**733.250**	**100**

- Quy mô dân số, lao động dự kiến làm việc tại cụm công nghiệp: khoảng 5.000 người.

- Ngành nghề hoạt động chủ yếu: Chế biến thực phẩm, nước giải khát; thức ăn gia súc, gia cầm, thủy sản; may mặc; điện, điện tử, viễn thông, điện lạnh; chế biến nông ản; dược phẩm, mỹ phẩm; vật liệu xây dựng; sản xuất các linh kiện, phụ kiện kim loại ngành nước; sản xuất khí đốt, phân phối nhiên liệu khí bằng đường ống; sản xuất phân bón vi sinh, đất sạch;…

1.3 Công nghệ sản xuất (nếu có)

Dự án thuộc loại đầu tư và kinh doanh cơ sở hạ tầng CCN nên vấn đề công nghệ sản xuất, vận hành thuộc về các dự án đầu tư xây dựng nhà máy, xí nghiệp sẽ đầu tư vào dự án và theo quy định của Luật bảo vệ môi trường, các dự án đầu tư này sẽ được thực hiện các Thủ tục môi trường riêng theo quy định của pháp luật hiện hành.

Trong giai đoạn vận hành thương mại của KCN, các hoạt động chính của dự án chủ yếu liên quan đến việc vận hành các công trình hạ tầng kỹ thuật và các công trình bảo vệ môi trường đã được xây dựng, bao gồm:

- Vận hành, bảo trì, bảo dưỡng hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc và đường giao thông nội bộ;

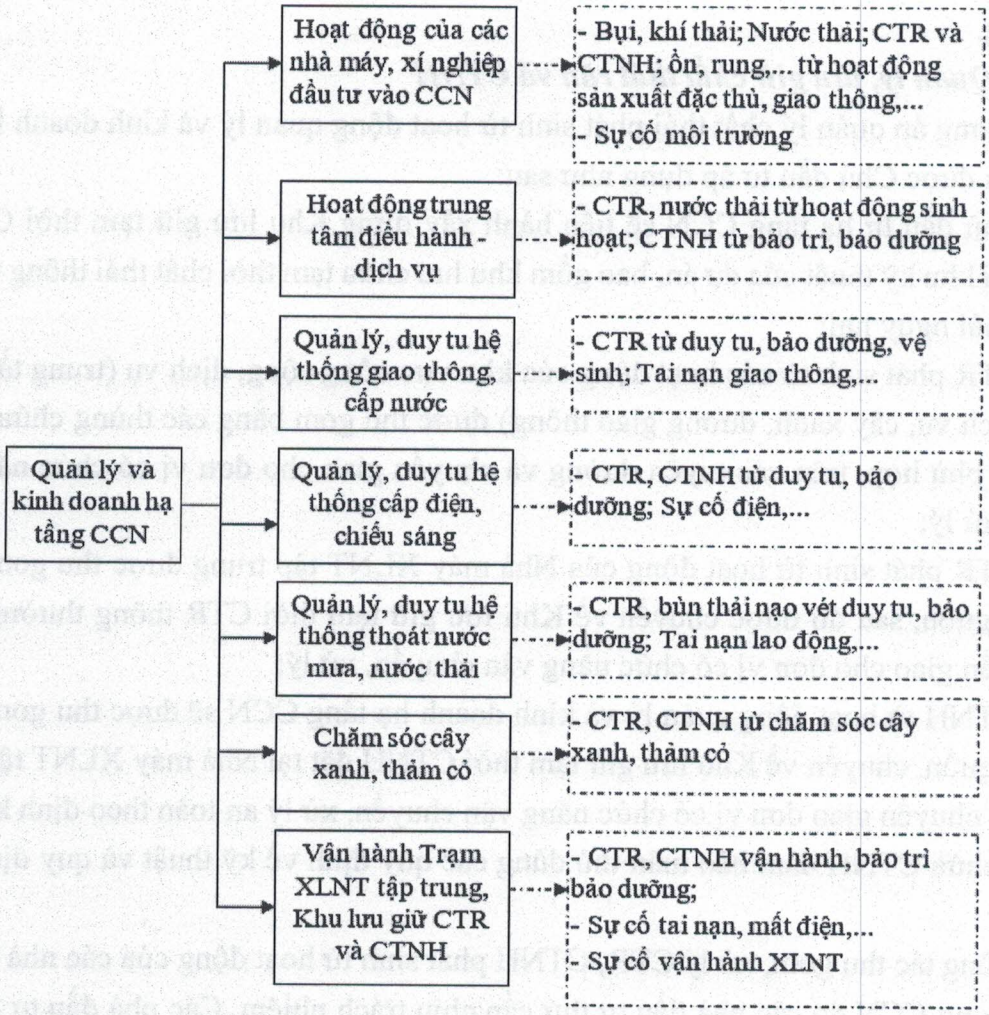
- Vận hành, bảo trì, bảo dưỡng các hệ thống, công trình bảo vệ môi trường tại khu kỹ thuật:

+ Trạm XLNT tập trung có tổng công suất 1.200 m^3/ngày đảm bảo xử lý toàn bộ lượng nước thải phát sinh của dự án đạt quy chuẩn QCVN 40:2025/BNNMT – Quy

chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A trước khi xả thải vào nguồn tiếp nhận sông Hậu.

+ Kho lưu giữ tạm thời CTR và CTNH được xây dựng phục vụ cho công tác lưu chứa tạm thời chất thải phát sinh trong quá trình vận hành các hạng mục hạ tầng kỹ thuật của cụm công nghiệp.

Sơ đồ khối quy trình kinh doanh và quản lý cơ sở hạ tầng Dự án được trình bày trong hình 1.



Hình 1. Quy trình hoạt động của dự án

Các hoạt động trong giai đoạn vận hành của dự án bao gồm:

(1) Phương án thu gom, xử lý nước thải

Nước thải phát sinh trong giai đoạn hoạt động của CCN Mỹ Phú được xử lý theo 2 cấp:

+ Xử lý cấp 1 (xử lý cục bộ): xử lý tại từng nhà máy, xí nghiệp đạt tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của CCN trước khi đấu nối vào mạng lưới thoát nước thải chung về các trạm XLNT tập trung;

+ Xử lý cấp 2 (xử lý tập trung): nước thải được tiếp tục xử lý tại trạm XLNT tập trung của CCN công suất 1.200 m^3/ngày.đêm đạt QCVN 40:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận là

sông Hậu.

Trạm XLNT tập trung được xây dựng hạng mục hồ sự cố có tổng dung tích khoảng 2.400 m^3 để đáp ứng yêu cầu về phương án phòng chống ứng phó sự cố có thể xảy ra với trạm XLNT tập trung. Theo quy định tại Khoản 46 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ, Chủ đầu tư sẽ tiến hành lắp đặt hệ thống quan trắc tự động, liên tục với các thông số: lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, TSS, COD, Amoni, kết nối và truyền dữ liệu liên tục về Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

(2) Quản lý, lưu giữ chất thải rắn và CTNH

Phương án quản lý chất thải phát sinh từ hoạt động quản lý và kinh doanh hạ tầng của dự án được Chủ đầu tư áp dụng như sau:

- Chủ đầu tư hạ tầng CCN sẽ tiến hành xây dựng Khu lưu giữ tạm thời CTR và CTNH tại khu kỹ thuật của dự án, bao gồm khu lưu chứa tạm thời chất thải thông thường và chất thải nguy hại;

- CTR phát sinh từ các hoạt động của khu vực công cộng, dịch vụ (trung tầm điều hành - dịch vụ, cây xanh, đường giao thông) được thu gom bằng các thùng chứa đặt tại các vị trí phù hợp, trên các tuyến đường và chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý;

- CTR phát sinh từ hoạt động của Nhà máy XLNT tập trung được thu gom, phân loại tại nguồn, sau đó được chuyển về Khu lưu giữ tạm thời CTR thông thường trước khi chuyển giao cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý;

- CTNH từ hoạt động quản lý và kinh doanh hạ tầng CCN sẽ được thu gom, phân loại tại nguồn, chuyển về Kho lưu giữ tạm thời CTNH đặt tại Nhà máy XLNT tập trung trước khi chuyển giao đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý an toàn theo định kỳ. Khu vực lưu chứa CTNH đảm bảo tuân thủ đúng các quy định về kỹ thuật và quy định hiện hành.

- Công tác thu gom, xử lý CTR, CTNH phát sinh từ hoạt động của các nhà máy, xí nghiệp trong CCN do các nhà đầu tư thứ cấp chịu trách nhiệm. Các nhà đầu tư thứ cấp vào CCN tự thu gom, phân loại, tập kết về khu vực lưu chứa trong khuôn viên Nhà máy và thuê đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

(3) Quản lý đường giao thông

Công tác duy tu, bảo dưỡng đường giao thông được thực hiện như sau:

- Duy tu sữa chữa thường xuyên: Bao gồm bảo dưỡng, sửa chữa mặt đường, nền đường, cống và các công trình trên đường. Công tác này được thực hiện thường xuyên trong suốt kỳ khai thác nhằm khắc phục nhanh nhất các hư hỏng, các khuyết tật nhỏ,... đảm bảo đường luôn hoạt động tốt ;

- Công tác trung tu: thực hiện định kỳ 5 năm/lần nhằm cải thiện điều kiện xe chạy, tăng độ nhám mặt đường,... Công tác này thường bao gồm thảm 3cm bê tông nhựa trên

toàn bộ mặt đường xe chạy;

-Công tác đại tu: thực hiện sau mỗi 2 - 3 lần trung tu, chủ yếu là thay lớp mặt bê tông nhựa đã bị lão hoá bằng lớp mới. Công tác này thường bao gồm thảm bê tông nhựa 7cm trên toàn bộ mặt đường xe chạy.

Chủ đầu tư sẽ phối hợp đơn vị chuyên môn thực hiện công tác duy tu, bảo dưỡng đường giao thông.

(4) Quản lý hệ thống điện, chiếu sáng giao thông

Chủ đầu tư dự kiến sẽ phối hợp với Điện lực Long Xuyên trong công tác sửa chữa, thay thế hệ thống điện, chiếu sáng từ hoạt động quản lý và kinh doanh hạ tầng của Dự án.

(5) Hệ thống thoát nước mưa, cây xanh

Khi dự án đi vào hoạt động, Chủ đầu tư dự kiến sẽ phối hợp với Công ty Cổ phần Môi trường đô thị An Giang hoặc đơn vị dịch vụ công ích trên địa bàn tỉnh An Giang trong việc nạo vét, duy tu hệ thống thoát nước mưa và chăm sóc cây xanh cho CCN.

1.4 Các hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư

a. San nền

- Cao trình san lấp hoàn thiện +5.0 m
- Độ dốc san nền có mặt phủ thấm nước I nền /0,003.
- Hướng dốc thoát nước của san nền là chủ yếu về hướng từ giữa các lô đất ra hệ thống thoát nước dọc các tuyến đường nội bộ cũng như các tuyến kênh giữa CCN và thoát ra sông Hậu.
- Hiện trạng khu vực hầu như là ruộng lúa nên trước khi san lấp tiến hành bóc lớp đất hữu cơ dày 20cm, lớp đất này sẽ được chuyển đắp vào khu vực cây xanh.
- Độ chặt đầm nén trong lô K=0.9, của nền đường K = 0.95, riêng khu vực sát nền đường dày 30cm đầm nén K=0.98.
- Tại vị trí ranh giới giữa phạm vi cụm công nghiệp với khu vực lân cận đắp taluy mái dốc mương nước m=1,5 K=0.9.
- Vật liệu san nền: Cát hoặc đất khai thác ở địa phương.
- Phương pháp thiết kế san nền là phương pháp nội suy cao độ theo lưới ô vuông. Thông số tính toán bằng phương pháp chênh cao đào đắp trên từng phần tử diện tích $1m^2$.
- Quy hoạch cao độ san nền, căn cứ trên nền hiện trạng và các cốt khống chế trong quy hoạch giao thông, đảm bảo khả năng thoát nước mưa theo hình thức tự chảy từ lô đất ra hệ thống cống thoát nước mưa. Quy hoạch san nền được áp dụng là nền cơ sở bắt buộc để thiết kế hệ thống hạ tầng kỹ thuật dọc theo các tuyến đường giao thông trong khu vực.
- San nền cục bộ trong trong các lô quy hoạch đất công nghiệp đảm bảo độ dốc nền phù hợp với loại hình công nghiệp > 0.1%. Các mái dốc địa hình trong khu tùy vị

trí sẽ được gia cố bằng đá xây hoặc trồng cỏ để tránh sạt trượt.

- Khối lượng san nền được xác định trên cơ sở từ những mạng lưới tim đường giao thông. Căn cứ vào diện tích, cao độ tự nhiên và cao độ thiết kế của các điểm giao tim đường giao thông để tính toán khối lượng đào đắp.

- Nạo vét thông luồng, neo đậu tàu: phạm vị nạo vét thông luồng phục vụ neo đậu tàu chờ lên xuống hàng hoá sẽ thực hiện trong khu vực quy hoạch cụm công nghiệp diện tích 7,6ha trên sông Hậu, xã Mỹ Phú, huyện Châu Phú (cũ). Chiều dài dự kiến dọc theo bờ sông khoảng 970m, cách kè bảo vệ khoảng ≥20m và cách đầu bến thuỷ khoảng ≥5m. Do khu vực này có kè bảo vệ bờ sông thuộc phạm vị Cum công nghiệp. Phạm vi nạo vét này không trùng với vị trí, khu vực thu hồi khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường đã quy hoạch.

b. Hệ thống giao thông

- Tuyến đường đấu nối với tuyến QL91 (Đường A1) - vai trò kết nối đối ngoại và đối nội, kết nối hai khu vực bên trong nội địa và khu vực giáp với sông Hậu, hình thành tuyến giao thông chính của CCN, từ tuyến này tạo thành các tuyến đường nhánh dựa trên cơ sở song song và vuông góc kết nối với các khu vực khác trong CCN dễ dàng. Lộ giới 35m, 4-9-9-4.

- Các tuyến vuông góc với tuyến đường đấu nối với đường A1, cụ thể là các tuyến B1, B2, B3, B4 có vai trò kết nối toàn bộ các khu vực chức năng khác trong cụm công nghiệp. Lộ giới 20m, 4-12-4.

- Các tuyến vuông góc với các tuyến B1, B2, B3, B4, cụ thể là các tuyến A2, A3, A4, A5, A7, A8 vai trò kết nối toàn bộ khu vực chức năng để đảm bảo giao thông liền mạch và thông suốt. Lộ giới 17m, 4-9-4.

- Điểm đấu nối với đường tránh QL91 là các nút giao thông cùng mức.

- Giảm thiểu tối đa các nút giao thông đảm bảo mạng lưới đường tương đối mạch lạc và khoảng cách giữa các nút giao thông cắt hợp lý.

- Các bãi đỗ xe nội bộ sẽ được bố trí trong từng nhà máy, xí nghiệp, cơ sở dịch vụ hoặc công cộng.

- Mạng lưới giao thông toàn CCN cụ thể như sau:

Bảng 2. Thống kê mạng lưới đường trong dự án

Stt	Tuyến đường	Độ dài	Quy cách						Kết cấu
			Lề trái (m)	Lòng đường (m)	Lề phải (m)	Lộ giới (m)	Khoảng lùi	Mặt cắt	
1	Đường A1	438,3	3	22	3	28	> 6	J-J	Nhựa
2	Đường A2	520	3	9	3	15	> 6	O-O	Nhựa
3	Đường A3	400	3	9	3	15	> 6	A-A	Nhựa
4	Đường A4	706	3	9	3	15	> 6	D-D, P-P, K-K	Nhựa

Stt	Tuyến đường	Độ dài	Quy cách						Kết cấu
			Lề trái (m)	Lòng đường (m)	Lề phải (m)	Lộ giới (m)	Khoảng lùi	Mặt cắt	
5	Đường A5	26	3	9	3	15	> 6	R-R	Nhựa
6	Đường A6	347	3	9	3	15	> 6	E-E	Nhựa
7	Đường A7	358	3	9	3	15	> 6	Q-Q	Nhựa
9	Đường B1	800	3	9	3	15	> 6	L-L, M-M, N-N	Nhựa
10	Đường B2	900	3	9	3	15	> 6	P-P	Nhựa
11	Đường B3	1040	3	9	3	15	> 6	B-B, C-C, D-D	Nhựa
12	Đường B4	949	3	9	3	15	> 6	G-G, F-F, H-H, I-I	Nhựa

Các thông số kỹ thuật của đường giao thông trong CCN

- Tốc độ thiết kế: V = 40Km/h
- Độ dốc dọc tối đa: imax = 0,3% (trừ các vị trí nút giao với tuyến đường tránh Long Xuyên, sẽ được xử lý vuốt nối đảm bảo kết nối giao thông êm thuận).
- Độ dốc ngang mặt đường: in = 2%
- Bán kính đường cong bó vỉa: R = 12 ÷ 15m
- Tầm nhìn góc đường khu vực, nội bộ L = 10 ÷ 30m

Kết cấu áo đường

- Mô đun đàn hồi yêu cầu tối thiểu Eyc = 155 MPa
- Tải trọng trục tiêu chuẩn Q = 120kN
- Tải trọng bánh xe tiêu chuẩn P = 0.6 MPa
- Đường kính vệt bánh xe tiêu chuẩn D = 36cm
- áp lực bánh xe: P = 0.6 MPa

Trên cơ sở các thông số kỹ thuật, lựa chọn kết cấu mặt đường bê tông nhựa atphalt như sau:

- Mặt đường bê tông nhựa.
- Đá dăm cấp phối móng trên.
- Đá dăm cấp phối móng dưới.
- Lớp nền đầm chặt K=0,98.
- Cát san nền đầm chặt K=0,95.

c. Hệ thống cấp nước, PCCC

- Nguồn nước cung cấp cho cụm công nghiệp lấy từ sông Hậu. Nước được xử lý đảm bảo tiêu chuẩn sinh hoạt, đủ lưu lượng áp lực yêu cầu theo đúng qui định hiện hành.
- Nước từ hệ thống cấp nước của khu vực bên ngoài dự án được cấp vào hệ thống bể chứa trạm bơm tăng áp của Cụm công nghiệp và bơm cấp vào mạng lưới cấp nước phân phối trong khu.

- Mạng lưới cấp nước phân phối: Mạng lưới đường ống phân phối được bộ trí dọc theo các hè đường cụm công nghiệp có đường kính D60 – D90mm. Ống cấp nước là ống nhựa HDPE, ống được chôn dưới hè đường với độ sâu trung bình từ 0,8m-1m đến đỉnh ống.

- Công suất trạm cấp nước dự kiến: 1.200 m^3/ngày đêm.

- Quy mô diện tích trạm cấp nước dự kiến: 0,5 ha.

- Bố trí các trụ lấy nước cứu hoả Ø100 ở các điểm thuận lợi với bán kính 150m.

- Lượng nước chữa cháy chung với lưu lượng Q=20 L/s trong 3 giờ cho 3 đám cháy đồng thời.

d. Hệ thống cấp điện

- Nguồn cấp điện cho khu vực là nguồn điện lưới quốc gia từ trạm biến thế trung gian 110/22KV của khu vực.

- Từ trạm 110/22KV sẽ có các phát tuyến 22KV đưa điện đến các khu nhà xưởng.

- Các tuyến trung thế được đấu thành mạch vòng khép kín qua các máy cắt trung thế thường kín hoặc thường hở để đảm bảo an toàn cấp điện.

- Xây dựng lưới điện phân phối có khả năng kết nối với các khu vực lân cận; đảm bảo cung cấp điện an toàn, đáp ứng tiêu chí N-1 đối với vùng phụ tải quan trọng và N-2 đối với vùng phụ tải đặc biệt.

- Xây dựng lưới điện phải đáp ứng nhu cầu sử dụng, độ tin cậy về cấp điện (các công trình cấp điện phải tuân thủ (QCVN 07-5:2016/BXD).

- Lưới 22kV được đi nổi, sử dụng loại cáp XLPE 24kV.

- Chỉ tiêu cấp điện đối với cụm công nghiệp: (≥ 55% x73,32) x 200 kW/ha = ≥ 8.065,2 kW.

e. Hệ thống thông tin liên lạc

- Hệ thống thông tin liên lạc cho cụm công nghiệp sẽ là 1 hệ thống được ghép nối vào mạng viễn thông của tỉnh An Giang.

- Hệ thống nội bộ ở đây sẽ là một mạng cáp điện thoại đáp ứng đầy đủ các yêu cầu về viễn thông cho Cụm công nghiệp.

- Tạo điều kiện thuận lợi về mặt viễn thông cho các nhà đầu tư vào cho Cụm công nghiệp Mỹ Phú.

- Xây dựng đồng bộ với các hệ thống hạ tầng khác.

- Đáp ứng các nhu cầu viễn thông với các loại hình đa dịch vụ cho các cơ quan, doanh nghiệp trong cụm công nghiệp.

- Cáp thông tin liên lạc được cùng với hệ thống cấp điện.

e. Thoát nước mưa, nước thải

Giải pháp thoát nước mưa

- Nước mưa từ các lưu vực được thu vào hệ thống cống riêng và thoát trực tiếp ra sông.

- Mạng lưới thoát nước mưa là loại cống tròn và cống hộp BTCT, được đặt trong hành lang kỹ thuật và phần đất cây xanh 2 bên các trục đường.

- Nước mưa trên mặt đường sẽ được thu vào các tuyến cống thoát nước mưa qua các hố thu nước ven đường.

- Nước mưa từ các khu vực nhà máy được thu gom bằng các rãnh thoát nước đậy đan của từng khu vực rồi mới đấu nối trực tiếp vào rãnh thoát nước mưa bên ngoài. Các đoạn đấu nối này sẽ do các nhà máy xây dựng.

- Trên từng tuyến ống có đặt những hố ga theo cự ly tập trung nước thích hợp. khoảng cách giữa các hố ga 25m đến 40m nhằm thu hết nước bề mặt và nước sinh hoạt.

Giải pháp thoát nước thải

- Các loại nước thải công nghiệp của các nhà máy trong cụm công nghiệp phải được xử lý sơ bộ đến giới hạn tiêu chuẩn cho phép, trước khi xả ra hệ thống cống thu gom của cụm công nghiệp và được dẫn đến khu xử lý tập trung.

- Nước thải các công trình công cộng, dịch vụ cụm công nghiệp được thu gom bằng hệ thống thoát nước trong nhà và được xử lý sơ bộ rồi xả trực tiếp vào mạng lưới thoát nước thải của CCN.

- Mạng lưới đường cống thoát nước được bố trí dọc theo các tuyến đường thiết kế. Các tuyến cống được xây dựng trên vỉa hè. Trên các trục đường bố trí ga thăm với khoảng cách mỗi ga từ 25-40m để đảm bảo phục vụ cho mọi lô đất và tránh giao cắt nhiều với các đường dây, đường ống kỹ thuật khác.

- Cống thoát nước thải được đặt trên vỉa hè, khoảng cách từ cống đến các công trình hạ tầng khác như cấp điện, cấp nước được tuân theo đúng tiêu chuẩn thiết kế TCVN 7957-2008.

- Hệ thống cống thoát nước thải hoạt động theo nguyên tắc tự chảy, có độ sâu chôn ống tối đa là 4,0m. Để giảm độ sâu chôn cống, đặt 04 trạm bơm chuyển bậc để bơm toàn bộ nước thải về trạm xử lý nước thải.

- Mạng lưới sử dụng ống nhựa HDPE gân xoắn có đường kính D600mm đến 1200mm.

1.5 Các yếu tố nhạy cảm về môi trường (nếu có)

Phạm vi dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo Điểm b, Khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ sửa đổi bổ sung tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ *"Dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước"*. Cụ thể: khu vực dự án có Trạm cấp nước Thành Cả Lân lấy nước từ sông Hậu sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt cho người dân trong khu vực.

2. Các nội dung tham vấn

2.1 Vị trí thực hiện dự án đầu tư

a. Mô tả vị trí, ranh giới dự án; việc chiếm dụng các loại đất khác nhau

Vị trí, ranh giới dự án:

- Dự án có tứ cận như sau:

+ Phía Bắc giáp dân cư cặp kênh Xép Kha Tam Boong;

+ Phía Tây giáp tuyến dân cư cặp QL 91;

+ Phía Đông giáp tuyến dân cư cặp Sông Hậu;

+ Phía Nam giáp với đất nông nghiệp và dân cư .



Hình 2. Vị trí dự án trên google eath

Việc chiếm dụng các loại đất

- Khu vực nghiên cứu quy hoạch chủ yếu là đất trồng lúa, đất nuôi thuỷ sản và kênh mương .

- Phần lớn dân cư tập trung theo tuyến dọc theo Quốc lộ 91, kênh Xép Kha Tam Boong và tuyến dân sinh hiện hữu.

- Trong đó phần kênh thủy lợi (kên Đòn Dong) thuộc đất công chiếm 28.464,3 m^2. Phần còn lại là kênh mương do người dân đào để phục vụ canh tác kết hợp với ao nuôi cá.

Bảng 3. Thống kê thành phần loại đất hiện trạng khu vực thực hiện dự án

TT	Loại đất	Mã	Diện tích (m^2)	Tỉ lệ (%)
1	**Đất nông nghiệp**	NNP	**661.234,3**	**90,18**
1.1	**Đất sản xuất nông nghiệp**	**SXN**	**451.555,7**	**61,58**
1.1.1	Đất cây trồng hằng năm	CHN	397.839,8	54,26
1.1.1.1	*Đất trồng lúa*	LUC	*284.644,0*	38,82
1.1.1.2	*Đất trồng cây hằng năm khác*	BHK	*113.195,8*	15,44

TT	Loại đất	Mã	Diện tích (m^2)	Tỉ lệ (%)
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	53.715,9	7,33
1.2	**Đất nuôi trồng thủy sản**	**NTS**	**209.678,6**	**28,60**
2	**Đất Phi nông nghiệp**	PNN	**72.016,1**	**5,81**
2.1	**Đất ở**	**OTC**	**21.232,8**	**2,90**
2.1.1	Đất ở nông thôn	ONT	3.018,3	0,41
2.1.2	Đất ở nông thôn kết hợp cây lâu năm	ONT+CLN	18.214,5	
2.2	**Đất chuyên dùng**	CDG	**34.889,0**	**0,75**
2.2.1	Đất thủy lợi	DTL	29.419,3	
2.2.2	Đất giao thông	DGT	5.469,7	0,75
2.3	**Đất sông ngòi, kênh rạch**	SON	**15.894,3**	**2,17**
Tổng cộng			**733.250,4**	**100**



Đất trồng lúa



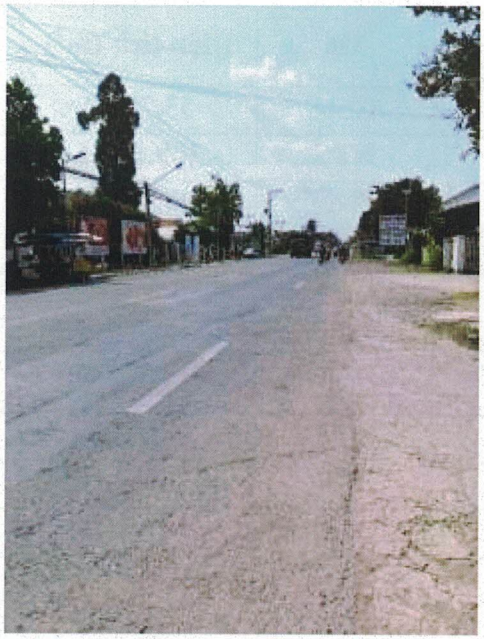
Ao nuôi



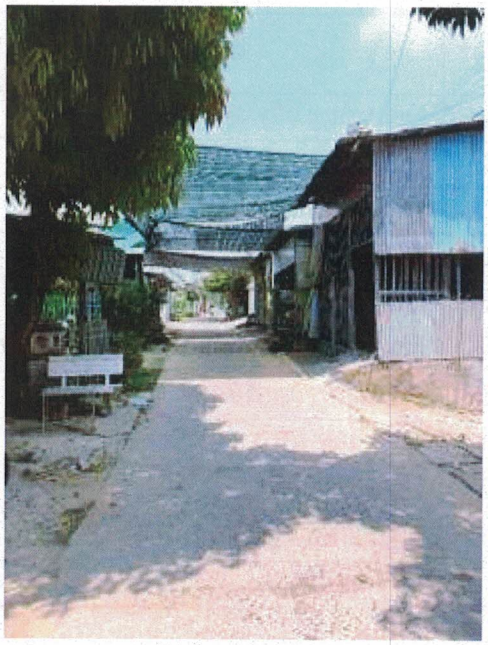
Kênh Đòn Dong đoạn tiếp giáp QL91



Đường dọc kênh Đòn Dong



Tuyến đường QL91



Tuyến đường Mậu Thân và dân cư hiện hữu

Hình 3. Một số hình ảnh hiện trạng tại khu vực dự án

b. Mô tả mối tương quan của dự án với các đối tượng xung quanh

- Dân cư: dân cư trong khu vực thực hiện dự án không có tuy nhiên khu vực lân cận thì dân cư tập trung dọc theo các tuyến giao thông như tuyến QL91 và tuyến đường Mậu Thân với mật độ dày đặt.

- Công trình nhà ở: hiện trạng trong khu vực không có công trình nhà ở chỉ có nhà được dựng bán kiên cố trong quá trình canh tác nông nghiệp.

- Ngoài ra, xung quanh khu vực dự án còn có các công trình:

+ Công trình giáo dục: trong khu vực thực hiện dự án không có công trình giáo dục. Tuy nhiên lân cận khu vực có cách trường tiểu học A Mỹ Phú (điểm chính) 1,35km và cách trường trung học cơ sở Mỹ Phú 200m giải quyết các vấn đề về giáo dục học tập cho con em người lao động.

+ Công trình y tế: trong khu vực dự án không có công trình y tế tuy nhiên cách Trạm y tế xã Mỹ Phú (cũ) 500m về phía Tây Bắc.



Hình 4. Hiện trạng dân cư xung quanh khu vực dự án

c. Mô tả các đối tượng nhạy cảm xung quanh khu vực thực hiện dự án

- Phạm vi dự án có yếu tố nhạy cảm về môi trường theo Điểm b, Khoản 4, Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ sửa đổi bổ sung tại Khoản 6 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ *"Dự án có xả nước thải vào nguồn nước mặt được dùng cho mục đích cấp nước sinh hoạt theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước"*. Cụ thể: khu vực dự án có Trạm cấp nước Thành Cả Lân lấy nước từ sông Hậu sử dụng cho mục đích cấp nước sinh hoạt cho người dân trong khu vực.

- Dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 01/01/2022 của Chính phủ sửa đổi bổ sung Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính Phủ và Nghị định 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026.

- Dự án không có sử dụng đất, đất mặt nước của khu bảo tồn thiên nhiên theo quy định của pháp luật về đa dạng sinh học, lâm nghiệp hoặc thủy sản, rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, đất có rừng tự nhiên theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp, khu bảo vệ nguồn lợi thủy sản theo quy định của pháp luật về thủy sản, vùng đất ngập nước quan trọng, khu dự trữ sinh quyển, di sản thiên nhiên thế giới.

- Dự án không sử dụng đất của khu di sản thế giời, khu di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh đã được xếp hạng cấp quốc gia, quốc gia đặc biệt theo quy định của pháp luật về di sản văn hóa.

- Công trình không có yêu cầu di dân, tái định cư theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đầu tư công, đầu tư và pháp luật về xây dựng.

2.2 Tác động môi trường của dự án đầu tư

2.2.1 Tóm tắt các tác động có liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng, giai đoạn vận hành

2.2.1.1 Giai đoạn thi công xây dựng

a. Tác động do bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ quá trình bóc tách tầng đất mặt; san lấp mặt bằng; vận chuyển, bốc dỡ, đảo trộn nguyên vật liệu; xây dựng các hạng mục công trình, hoạt động của các thiết bị máy móc hoạt động trên công trường như xe tải, máy xúc, máy cắt, máy đầm,... phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là bụi, khí SO_2, CO_x, NO_x, Hydrocacbon...

- Hoạt động thi công phun, rải nhựa đường có phát sinh khí thải và nhiệt dư. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là hơi dầu, hắc ín, CO, H_2S....

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động lưu thông của các phương tiện tham gia giao thông của người dân đi lại trên đường giao thông. Thành phần ô nhiễm chủ yếu là khí SO_2, NO_x, CO, CO_2, VOC và bụi.

b. Tác động do nước thải phát sinh

- Nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án sẽ cuốn theo đất, cát, vật liệu rơi vãi, chất cặn bã, dầu mỡ,... với lưu lượng là 3.256,81 m^3/ngày.

- Nước thải từ hoạt động thi công xây dựng: chủ yếu phát sinh do quá trình rửa vệ sinh các máy móc, dụng cụ xây dựng với lượng phát sinh khoảng 5 m^3/ngày.đêm. Thành phần ô nhiễm chính là đất, cát xây dựng.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân xây dựng với lưu lượng lớn nhất khoảng 2 m^3/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu như: BOD_5, tổng chất rắn lơ lửng, Nitrat, Phosphat, Amoni, Dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

c. Tác động do chất thải rắn

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động ăn uống, vệ sinh của công nhân xây dựng với tải lượng phát thải trung bình khoảng 54 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là thức ăn thừa, vỏ bao bì đựng thực phẩm, vỏ hoa quả thải, giấy vụn...

- Chất thải rắn thông thường phát sinh trong quá trình thi công xây dựng bao gồm:

+ Chất thải rắn từ quá trình giải phóng mặt bằng phát sinh khoảng 549.701,25 tấn.

+ Chất thải rắn xây dựng phát sinh khoảng 630 tấn.

- Chất thải nguy hại phát sinh với khối lượng khoảng 21kg. Từ hoạt động bảo dưỡng, sửa chữa máy móc, thiết bị, phương tiện thi công phát sinh chất thải nguy hại. Thành phần chất thải nguy hại trong quá trình xây dựng bao gồm dầu thải; các giẻ lau dính dầu mỡ, dính nhựa đường; vỏ hộp/thùng đựng sơn; các can, thùng thải có dính dầu.

2.2.1.2 Giai đoạn hoạt động

a. Tác động do bụi, khí thải

- Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động lưu thông từ phương tiện tham gia giao thông đi lại trên đường giao thông. Thành phần chủ yếu là: khí SO_2, NO_x, CO, CO_2, VOC và bụi.

- Khí thải từ các nhà máy trong CCN, tùy vào ngành nghề của các nhà máy thì thành phần chủ yếu là: khí SO_2, NO_x, CO, CO_2, VOC, bụi và các thành phần khí thải đặc trưng của ngành nghề sản xuất.

- Mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải phát sinh chủ yếu gồm H_2S, Mercaptane, CO_2, CH_4,…

b. Tác động do nước thải phát sinh

- Nguồn thải này chỉ xuất hiện khi thời tiết khu vực có mưa, tải lượng phụ thuộc vào lượng mưa của khu vực, do đó thay đổi theo mùa, theo ngày và diện tích khu vực thực hiện dự án... với lưu lượng là 7.633,13 m^3/ngày.

- Nước thải công nghiệp: chủ yếu phát sinh từ hoạt động sản xuất của các dự án thứ cấp với lượng phát sinh khoảng 792,4 m^3/ngày.đêm. Thành phần ô nhiễm chính là pH, BOD_5; COD, TSS, tổng Nitơ, tổng P, dầu mỡ, coliform, kim loại nặng.

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của công nhân làm việc trong các nhà máy với lưu lượng khoảng 226,35 m^3/ngày. Thành phần ô nhiễm chủ yếu như: BOD_5,

Tổng chất rắn lơ lửng, Nitrat, Phosphat, Amoni, Dầu mỡ động thực vật, tổng Coliform.

c. Tác động do chất thải rắn

- Chất thải sinh hoạt và khu vực công cộng phát sinh 1.509 kg/ngày.
- Chất thải công nghiệp từ các nhà máy trong CCN: 11,886 tấn/ngày.
- Đối với chất thải nguy hại: Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động quản lý, khai thác, vận hành CCN với khối lượng khoảng 907 kg/năm với thành phần chủ yếu là bùn từ Trạm XLNT, hóa chất thải, giẻ lau dính chất thải nguy hại, ...

2.2.2 Các tác động môi trường khác không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành

2.2.2.1 Giai đoạn thi công xây dựng

- Tiếng ồn phát sinh chủ yếu từ hoạt động của các máy móc, thiết bị (như máy xúc, máy trộn bê tông, máy đầm, máy hàn...); từ hoạt động của các phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, chất thải.
- Độ rung phát sinh từ hoạt động của xe tải vận chuyển, máy đầm, máy trộn bê tông. Tác động đến hệ sinh thái, giao thông, sức khỏe cộng đồng, kinh tế - xã hội khu vực thi công dự án.

Đánh giá, dự báo tác động đối với dự án có hoạt động nguy cơ gây mất ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước

- Quá trình nạo vét làm hạ thấp cao trình đáy cục bộ, phá vỡ cân bằng bùn cát tự nhiên, có thể gây xói lở lan truyền về thượng lưu hoặc hạ lưu và bồi lắng tại các khu vực lân cận.
- Việc thi công các hạng mục bến cảng như đóng cọc, kè bờ, san lấp có thể làm thu hẹp tiết diện dòng chảy, thay đổi hướng và vận tốc dòng chảy, gây xói lở cục bộ tại chân công trình và các đoạn bờ đối diện hoặc lân cận, đặc biệt tại các khu vực có địa chất yếu.
- Ngoài ra, hoạt động thi công còn làm gia tăng độ đục, khuấy động trầm tích đáy, góp phần ảnh hưởng đến ổn định bãi bồi. Tuy nhiên, mức độ tác động được đánh giá chủ yếu mang tính cục bộ, trong phạm vi khu vực thi công và có thể kiểm soát nếu áp dụng các giải pháp phù hợp.

2.2.2.2 Giai đoạn hoạt động

- Từ hoạt động nội bộ của cụm công nghiệp: từ phương tiện vận tải và cá nhân ra vào cụm công nghiệp; máy móc thiết bị tại trạm xử lý nước thải
- Từ hoạt động sản xuất của các nhà máy thứ cấp: Từ hoạt động vận tải và phương tiện cá nhân ra vào; máy móc phục vụ sản xuất bên trong nhà xưởng; máy móc thiết bị tại công trình xử lý nước thải, xử lý bụi, khí thải.

2.3 Biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường

2.3.1 Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường dự án liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành

2.3.1.1 Giai đoạn thi công xây dựng

a. Tác động do bụi, khí thải

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động giải phóng mặt bằng:

+ Phun nước 2–3 lần/ngày vào ngày khô nóng để giảm bụi.

+ Phát quang cuốn chiếu, làm đến đâu thu gom đến đó.

+ Che chắn và phun ẩm khu vực phá dỡ để hạn chế bụi phát tán.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Biện pháp giảm thiểu bụi từ hoạt động đào đắp san nền thi công:

+ Phun nước làm ẩm khu vực thi công (≥2 lần/ngày) để giảm bụi.

+ Phân bố đào đắp ở nhiều khu vực, tránh tập trung một chỗ.

+ San ủi, đầm nén ngay sau khi tập kết vật liệu.

+ Đào đắp đến đâu san ủi đến đó để hạn chế bụi.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

+ Bố trí nhân lực, máy móc thi công hợp lý.

- Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ hoạt động vận chuyển nguyên, vật liệu xây dựng, máy móc, thiết bị:

+ Che chắn kín phương tiện vận chuyển, tránh rơi vãi và phát tán khí thải.

+ Chỉ sử dụng phương tiện đạt tiêu chuẩn đăng kiểm, kiểm tra thường xuyên.

+ Vận hành đúng tải, dùng nhiên liệu phù hợp (ít lưu huỳnh).

+ Bố trí lịch vận chuyển hợp lý, tránh giờ cao điểm.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Biện pháp giảm thiểu khí thải, bụi từ phương tiện cơ giới thi công:

+ Kiểm tra khí thải phương tiện, máy móc theo TCVN 6438-2001.

+ Không sử dụng thiết bị cũ, quá hạn đăng kiểm hoặc vượt chuẩn khí thải.

+ Lập kế hoạch thi công hợp lý, áp dụng cơ giới hóa.

+Bảo dưỡng định kỳ máy móc, phương tiện.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân.

- Biện pháp giảm thiểu mùi và khí thải từ hoạt động hàn cơ khí:

+ Bố trí khu vực hàn an toàn, ít người qua lại, dưới hướng gió.

+ Tránh làm việc khi mưa to, không gần khu dân cư.

+ Sử dụng thiết bị hàn cắt đảm bảo an toàn, còn hoạt động tốt.

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ chuyên dụng cho công nhân

- Biện pháp giảm thiểu khí thải phát sinh từ quá trình rải nhựa:

+ Kiểm soát nhiệt độ nhựa 150–170°C, không đun quá lâu.

+ Sử dụng nhựa đạt chuẩn hoặc công nghệ asphalt ấm để giảm phát thải.

+ Thiết bị nấu nhựa có nắp kín, bảo dưỡng định kỳ.

+ Tổ chức thi công liên tục, bố trí thời gian hợp lý.

+ Trang bị bảo hộ, đặc biệt khẩu trang chống hơi hữu cơ.

b. Tác động do nước thải phát sinh

- Công trình thu gom nước, xử lý và biện pháp giảm thiểu nước mưa chảy tràn: Nước mưa trong giai đoạn xây dựng một phần sẽ tự thấm trực tiếp xuống nền đất; phần còn lại sẽ chảy tràn và thoát trực tiếp xuống các khu vực xung quanh dự án và sông Hậu.

- Công trình thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt: Nhà thầu sẽ bố trí 02 nhà vệ sinh di động phục vụ cho công nhân xây dựng. Dung tích bể nước sạch 1.000 lít, dung tích bể chứa nước thải 1.000 lít để thu gom lượng nước thải phát sinh từ dự án. Vị trí lắp đặt nhà vệ sinh di động dự kiến sẽ đặt tại công trường.

- Công trình thu gom, xử lý và biện pháp giảm thiểu nước thải xây dựng:

+ Nước thải từ khu rửa, trộn vật liệu được dẫn vào hệ thống thu gom riêng, xử lý qua hố lắng (tổng thể tích tối thiểu của các hố lắng là 3,5 m^3, thời gian lắng tối thiểu 4 giờ) sau đó mới cho thoát ra môi trường.

+ Số lượng các hố lắng cặn tùy thuộc vào diện tích khu vực thi công để bố trí các hố lắng cho phù hợp.

- Biện pháp giảm thiểu ô nhiễm nước mặt trong khu vực dự án do quá trình nạo vét thông luồng:

+ Sử dụng phương tiện nạo vét và vận chuyển phù hợp trong Hồ sơ thiết kế bản vẽ thi công và dự toán công trình. Để đảm bảo chất nạo vét được đổ đúng khu vực quy định, ngoài việc giám sát thi công theo quy định, Chủ dự án sẽ giám sát chặt chẽ quá trình vận chuyển đổ chất nạo vét của từng chuyến.

+ Đảm bảo thi công đúng khối lượng, vị trí được duyệt, hạn chế khả năng phát tán nồng độ bùn và chất rắn hòa tan trong nước do một phía lòng kênh sẽ liên tục được cấp nước sạch sẽ làm pha loãng nồng độ và tạo điều kiện cho các sinh vật thủy sinh có điều kiện di chuyển đi nơi khác mà không gặp cản trở lớn nào.

+ Hệ thống giám sát nạo vét được lắp đặt tại vị trí phù hợp, cố định trên phương tiện thi công (có kẹp chì và dán niêm phong), thuận lợi cho việc khai thác, giám sát, ghi nhận lại hình ảnh trong quá trình thi công, vận chuyển CNV, không xảy ra hiện tượng di dời, tháo lắp, thay đổi vị trí trong toàn bộ quá trình nạo vét.

c. Tác động do chất thải rắn

- Công trình thu gom, lưu giữ và biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt:

+Thực hiện phân loại rác tại nguồn theo Điều 75 Luật Bảo vệ môi trường 2020 như sau: chất thải rắn có khả năng tái sử dụng, tái chế; chất thải thực phẩm; chất thải rắn sinh hoạt khác.

+ Bố trí các thùng rác chuyên dụng, loại 60 lít bằng nhựa có nắp đậy để phân loại, thu gom và xử lý theo quy định. Cuối ngày, công nhân thi công sẽ tập kết rác thải ra khu vực gần tuyến đường QL91 để thuận tiện cho việc thu gom.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt theo đúng quy định. Tần suất thu gom 1 lần/ngày.

- Công trình thu gom, lưu giữ và biện pháp giảm thiểu chất thải rắn thông thường:

+ Chất thải rắn từ quá trình giải phóng mặt bằng: Trong giai đoạn san nền, chủ dự án sẽ được giữ lại phục vụ công tác trồng cây trong phạm vi dự án nên không phát sinh đổ thải ra bên ngoài môi trường. Bùn đất từ quá trình nạo vét thông luông sông được thu gom, đổ thải đúng quy định.

+ Chất thải rắn xây dựng: Bố trí 01 bãi tập kết tạm thời có diện tích khoảng 20 m2 thu gom, phân loại chất thải rắn xây dựng. Khu vực tập kết có nền được lót bằng gỗ, mái và tole cao 2m để che chắn tạm. Vị trí: tại công trường thi công. Thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trên theo quy định.

- Công trình thu gom, lưu giữ và biện pháp giảm thiểu chất thải nguy hại:

+ Bố trí các thùng chứa thể tích 60 lít/thùng chất liệu bằng nhựa nắp đậy kín và có dán chữ và biểu tượng nguy hại theo đúng quy định của pháp luật, 01 kho tạm có diện tích khoảng 4m^2. Khu vực lưu chứa có mái che mưa nắng, nền được tráng vữa chống thấm nước, có trang bị thiết bị phòng cháy chữa cháy để phòng ngừa sự cố cháy nổ.

+ Chủ dự án thuê đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải trên theo đúng quy định.

2.3.1.2 Giai đoạn hoạt động

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do bụi, khí thải

a.1 Biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông

- Quét dọn, tưới nước mặt đường ≥2 lần/ngày, bố trí gờ giảm tốc để hạn chế bụi.
- Xe vận chuyển đúng tải, bảo dưỡng định kỳ, đảm bảo tiêu chuẩn khí thải.
- Quy hoạch, trồng cây xanh theo tiêu chuẩn để giảm bụi, khí thải, tiếng ồn.
- Bố trí cây xanh, tiểu cảnh hợp lý trong khu vực dự án.
- Thành lập tổ vệ sinh chăm sóc cây xanh, duy trì cảnh quan môi trường.

a.2 Biện pháp giảm thiểu mùi hôi từ hệ thống xử lý nước thải tập trung, khu vực lưu chứa chất thải rắn

- Tổ chức thu gom kịp thời, hàng ngày đội vệ sinh có trách nhiệm thu gom rác thải để mang đến nơi lưu giữ tạm thời để đơn vị có chức năng đem đi xử lý.
- Khử mùi hôi tại chỗ bằng chế phẩm khử mùi (EM). Tỷ lệ pha tạo dung dịch phun khử mùi là 1 lít EM/100 lít nước.
- Để tránh tình trạng không khí từ các khu vệ sinh lan toả đến các phòng và khu vực lân cận, bố trí lắp đặt hệ thống hút gió kiểu cưỡng bức bằng quạt gió gắn trần tại các khu vệ sinh bao gồm quạt thông gió, đường ống dẫn thải trực tiếp ra bên ngoài tại từng công ty.
- Hố thu được xây ngầm dưới đất và bố trí nắp đậy.
- Chu kỳ lấy bùn được tổ chức thường xuyên. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định.

b. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, xử lý đối với nước thải

b.1 Nước mưa chảy tràn

- Xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa riêng biệt với hệ thống thoát nước thải.

- Định kỳ nạo vét bùn cặn trong hố ga, bể lắng và đem đi xử lý theo đúng quy định;

- Thu gom và lưu giữ các chất thải một cách hợp lý và vệ sinh để tránh các chất này bị cuốn trôi theo nước mưa chảy tràn gây ô nhiễm nguồn tiếp nhận.

- Nguồn tiếp nhận nước mưa của Dự án là sông Hậu.

b.2 Đối với nước thải

b.2.1 Hệ thống thu gom nước thải

- Hệ thống thu gom nước thải tách riêng hoàn toàn với thoát nước mưa.

- Mạng lưới cống thu gom nước thải: Nước thải từ các nhà xưởng, nhà điều hành trong CCN, nước thải sinh hoạt trong khu dịch vụ được thu gom từ các nhà xưởng theo các tuyến ống thu gom, tập trung về trạm xử lý nước thải trung của Cụm công nghiệp.

- Thiết kế các đường cống dẫn nước thải ở trên vỉa hè để thuận tiện cho việc thu gom từ khu nhà xưởng thoát ra. Các tuyến cống dùng ống HDPE. Toàn bộ hệ thống thu gom nước thải trong Cụm công nghiệp là hệ thống đường ống kín và bơm về hệ thống xử lý tập trung của Cụm công nghiệp.

- Nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý là sông Hậu.

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Chế độ xả thải: 24/24 giờ.

b.2.2 Công trình xử lý sơ bộ nước thải tại văn phòng nhà điều hành KCN và văn phòng điều hành HTXLNT

- Công trình xử lý sơ bộ nước thải tại văn phòng nhà điều hành KCN và văn phòng điều hành HTXLNT là bể tự hoại 03 ngăn được bố trí tại nhà vệ sinh.

- Nước thải sau xử lý sơ bộ sẽ được đưa đến hố ga thu gom nước thải dẫn về HTXLNT tập trung 1.200 m^3/ngày.đêm.

- Phương án xử lý sơ bộ:

Nước thải sinh hoạt → Ngăn chứa → Ngăn lọc → Ngăn lắng → Hệ thống xử lý nước thải tập trung 1.200 m^3/ngày.đêm.

b.2.3 Công trình xử lý nước thải sơ bộ của các cơ sở thứ cấp trong CCN

- Tuỳ thuộc vào từng loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của các cơ sở thứ cấp trong KCN mà mỗi cơ sở sẽ lựa chọn công trình xử lý sơ bộ tại cơ sở trước khi đấu nối vào hệ thống thu gom KCN để dẫn về HTXLNT tập trung công suất 750 m^3/ngày.đêm.

- Tiêu chuẩn quy định đối với việc tiếp nhận nước thải của các cơ sở thứ cấp trước khi đấu nối vào HTXLNT tập trung của CCN Mỹ Phú: Nước thải sau khi xử lý sơ bộ phải đảm bảo đạt các giá trị giới hạn cho phép theo QCVN 40:2025 – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột C và được trình bày cụ thể tại bảng bên dưới:

Bảng 4. Tiêu chuẩn đấu nối nước thải của các cơ sở thứ cấp vào HTXLNT tập trung CCN Mỹ Phú

STT	Thông số	Đơn vị	Giá trị giới hạn cho phép
1	Nhiệt độ	°C	≤ 40
2	pH	-	6 – 9
3	COD	mg/L	≤ 130
4	Chất rắn lơ lửng	mg/L	≤ 120
5	Amoni (tính theo N)	mg/L	≤ 12
6	Độ màu	Pt/Co	≤ 150
7	BOD_5 (20°C)	mg/L	≤ 80
8	Asen (As)	mg/L	≤ 0,25
9	Thuỷ ngân (Hg)	mg/L	≤ 0,005
10	Chì (Pb)	mg/L	≤ 0,5
11	Cadimi (Cd)	mg/L	≤ 0,1
12	Crom (VI)	mg/L	≤ 0,5
13	Tổng Crom	mg/L	≤ 2
14	Đồng (Cu)	mg/L	≤ 3
15	Kẽm (Zn)	mg/L	≤ 5
16	Niken (Ni)	mg/L	≤ 3
17	Mangan (Mn)	mg/L	≤ 10
18	Sắt (Fe)	mg/L	≤ 10
19	Xianua	mg/L	≤ 1
20	Tổng phenol	mg/L	≤ 3
21	Dầu mỡ khoáng	mg/L	≤ 5
22	Sunfua	mg/L	≤ 1
23	Florua	mg/L	≤ 15
24	Clorua	mg/L	≤ 1.000
25	Tổng nitơ (tính theo N)	mg/L	≤ 60
26	Tổng phốt pho (tính theo P)	mg/L	≤ 10
27	Tổng Coliform	MPN/100mL	≤ 5.000
28	Tổng PCB	mg/L	≤ 0,003

(Tùy theo loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ trong khu công nghiệp cũng như thành phần, tính chất nước thải của từng dự án sẽ thực hiện thỏa thuận, ký kết hợp đồng dịch vụ thoát nước và xử lý nước thải cho phù hợp).

b.2.4 Hệ thống xử lý nước thải tập trung

- Quy mô công suất hệ thống xử lý nước thải: 1.200 m^3/ngày.

- Quy trình công nghệ: Nước thải từ cống tập trung → Song chắn rác thô → Song chắn rác thô → Bể tách dầu → Máy lược rác tỉnh → Bể điều hòa → Bể keo tụ tạo bông → Bể lắng hóa lý → Bể đệm → Bể SBR → Bể khử trùng → Hệ thống lọc EPD → Nguồn tiếp nhận là sông Hậu.

- Chất lượng nước thải sau xử lý đạt QCVN 40:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, cột A.

- Nguồn tiếp nhận: Sông Hậu

- Phương thức xả thải: Tự chảy.

- Chế độ xả thải: 24/24h.

Thiết bị, hệ thống quan trắc tự động, liên tục nước thải

- Số lượng: Lắp đặt 01 Trạm quan trắc tự động, liên tục nước thải sau xử lý với các thông số: Lưu lượng (đầu vào và đầu ra), nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni.

- Vị trí lắp đặt: Tại hố ga đo lưu lượng.

- Trạm quan trắc tự động, liên tục sẽ được lắp đặt camera theo dõi và thiết bị lấy mẫu tự động.

Biện pháp giám sát chất lượng nước thải của các doanh nghiệp trong CCN Mỹ Phú

- Tăng cường giám sát nước thải của các doanh nghiệp trong CCN Mỹ Phú tại điểm đấu nối nước thải vào hệ thống thu gom nước thải của CCN.

- Định kỳ 6 tháng/lần lấy mẫu nước thải sau xử lý của các doanh nghiệp để đánh giá chất lượng nước thải đầu ra và làm căn cứ để thu phí xử lý nước thải.

- Tại điểm đấu nối nước thải của các doanh nghiệp bố trí van chặn nước thải, biển báo điểm đấu nối nước thải của doanh nghiệp.

- Thường xuyên dọn dẹp vệ sinh, lạo vét hố ga, điểm đấu nối nước thải.

c. Tác động do chất thải rắn

c.1 . Chất thải rắn sinh hoạt

- Đối với các cơ sở thứ cấp:

+ Tự trang bị các thùng rác (số lượng phù hợp với sức chứa rác thải phát sinh của công nhân) và đặt tại các nơi thích hợp trong cơ sở để thu gom rác thải sinh hoạt của công nhân.

+ Tự ký kết hợp đồng với các đơn vị chức năng để thu gom và vận chuyển.

- Đối với Ban Quản lý cụm công nghiệp:

+ Kiểm tra tình hình lưu giữ, thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt của các cơ sở thứ cấp theo quy định hiện hành.

+ Đối với chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ nhà máy xử lý nước thải: Bố trí 01 thùng nhựa 120L để chứa rác sinh hoạt. Thùng rác được bố trí ở vị trí gần cổng cơ sở để thuận tiện cho việc bỏ rác.

+ Đối với các tuyến đường nội bộ: Bố trí 20 thùng rác loại 120L.

+ Nhà máy xử lý nước thải tập trung: Bố trí 01 thùng rác loại 30L.

Chủ cơ sở hợp đồng với các đơn vị chức năng để thu gom, vận chuyển lượng rác thải sinh hoạt từ Nhà máy xử lý nước thải, nhà điều hành và cho các thùng rác đặt tại tuyến đường nội bộ định kỳ 01 lần/ngày.

c.2. Chất thải rắn thông thường

- Các cơ sở thứ cấp:

+ Tiến hành phân loại chất thải rắn sản xuất không nguy hại để thu gom chất thải có thể tái chế, tái sử dụng (Bìa carton, bọc nilon, bao bì, giấy vụn,…) và bán lại cho các cơ sở có nhu cầu thu mua.

+ Các thùng chứa chất thải rắn sản xuất không nguy hại do các cơ sở thứ cấp thành viên tự trang bị và đặt tại các nơi thích hợp trong cơ sở. Đồng thời có bố trí khu vực lưu giữ tạm thời.

+ Hợp đồng với các đơn vị chức năng đến thu gom và vận chuyển, xử lý theo các quy định.

- Ban Quản lý cụm công nghiệp:

+ Kiểm tra việc phân loại, thu gom, xử lý chất thải rắn sản xuất của các cơ sở thứ cấp theo quy định hiện hành.

+ Đối với chất thải rắn phát sinh từ song chắn rác (nhà máy xử lý nước thải) thành phần rác chủ yếu là lá cây, cỏ,... có bố trí thùng rác để thu gom. Lượng rác thải này được thu gom và xử lý chung với rác thải sinh hoạt.

c.3. Chất thải nguy hại

- Các cơ sở thứ cấp:

+ Thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy kín và được dán nhãn CTNH theo quy định, các cơ sở thứ cấp tự trang bị và đặt vào nơi kho lưu chứa chất thải nguy hại đúng theo quy định.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom và vận chuyển, xử lý theo các quy định hiện hành.

- Ban Quản lý cụm công nghiệp:

+ Kiểm tra việc thu gom, lưu giữ và hợp đồng với các đơn vị chức năng theo các quy định.

+ Đối với chất thải nguy hại phát sinh từ nhà máy xử lý nước thải tập trung và nhà điều hành khu công nghiệp:

• Ban Quản lý cụm công nghiệp xây dựng kho chứa CTNH đặt tại nhà máy xử lý nước thải tập trung. Kết cấu: Bêtông cốt thép, nền chống thấm (nền bêtông), mái lợp tole, diện tích 20 m^2, bên ngoài có dán nhãn cảnh báo CTNH. Đồng thời trang bị 02 bình PCCC loại 4kg, vật liệu hấp thụ (như cát khô hoặc mùn cưa) và xẻng để sử dụng trong trường hợp rò rỉ, rơi vãi, đổ tràn CTNH ở thể lỏng.

• Trang bị 01 thùng loại 60 lít và 06 thùng loại 120 lít, có nắp đậy, có dãn nhãn chất thải nguy hại bố trí trong kho chứa CTNH (01 thùng loại 60 lít chứa dầu mỡ thải; 01 thùng chứa bao bì cứng thải bằng nhựa; 01 thùng chứa bao bì mềm thải; 01 thùng chứa dầu mỡ thải từ bể lắng cát-tách dầu, mỡ; 01 thùng chứa pin, ắc quy thải; 01 thùng chứa giẻ lau dính dầu mỡ thải; 01 thùng chứa hóa chất phòng thí nghiệm).

• Cơ sở sẽ bố trí 01 cán bộ chuyên trách thực hiện theo dõi, kiểm tra công tác thu gom quản lý chất thải nguy hại và lập sổ chuyển giao xử lý ghi nhận cụ thể về loại chất thải, khối lượng để có số liệu báo cáo định kỳ về đơn vị chức năng.

• Chủ cơ sở hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Định kỳ 01 năm/lần.

2.3.2 Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường dự án không liên quan đến chất thải trong giai đoạn thi công xây dựng và giai đoạn vận hành

2.3.2.1 Giai đoạn thi công xây dựng

a. Biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

- Sử dụng máy móc đạt chuẩn, không dùng thiết bị cũ.
- Vận hành hợp lý, không thi công giờ nghỉ trưa và ban đêm.
- Bảo dưỡng định kỳ, lắp giảm âm nếu vượt ngưỡng.
- Hạn chế bấm còi, quy định tốc độ xe.
- Trang bị nút tai chống ồn cho công nhân.
- Không vận hành nhiều thiết bị gây ồn cùng lúc.
- Thi công ép cọc bằng phương pháp ép nén.
- Quan trắc tiếng ồn định kỳ, tuân thủ QCVN 26:2025/BTNMT.

b. Biện pháp giảm thiểu độ rung

- Giảm rung tại nguồn: cân bằng máy, lắp bộ giảm chấn, dùng vật liệu phi kim.
- Hạn chế lan truyền rung: sử dụng kết cấu đàn hồi (gối, hộp dầu giảm chấn).
- Không vận hành đồng thời nhiều thiết bị gây rung lớn.
- Khi đóng cọc, không thi công hoạt động khác để tránh cộng hưởng.
- Tuân thủ QCVN 27:2010/BTNMT về độ rung.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động đến giao thông và cơ sở hạ tầng khu vực

- Bố trí lịch vận chuyển hợp lý, tránh giờ cao điểm và ban đêm, tuân thủ tốc độ.
- Xe chở vật liệu có bạt che, đúng tải trọng, đảm bảo an toàn.
- Lắp biển báo cảnh giới (≥150m), có phản quang, tháo dỡ sau thi công.
- Bố trí đèn tín hiệu tại khu vực thi công.
- Tuân thủ tốc độ trong công trường để đảm bảo an toàn và giảm bụi

d. Biện pháp giảm thiểu tác động đến tình hình an ninh – trật tự - xã hội

- Huy động nguồn lao động, giải quyết việc làm; ưu tiên sử dụng nhân lực lao động tại địa phương, xây dựng nội quy sinh hoạt đầy đủ, rõ ràng, tổ chức quản lý công nhân tốt nhất.

- Phối hợp với lực lượng bảo vệ an ninh quốc phòng, tuần tra thường xuyên, nghiêm cấm các hành vi cờ bạc, tụ tập hút hít và các tệ nạn khác của công nhân công trường xây dựng.

e. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động đối với dự án có hoạt động nguy cơ gây mất ổn định lòng, bờ, bãi sông, hồ theo quy định của pháp luật về tài nguyên nước

Chủ dự án kết hợp với đơn vị thi công sẽ thực hiện các biện pháp đồng bộ gồm:

- Thiết kế phương án nạo vét và bố trí công trình phù hợp với điều kiện thủy văn, địa hình khu vực, đảm bảo không làm thay đổi đáng kể chế độ dòng chảy tự nhiên;

- Giới hạn phạm vi, cao trình nạo vét theo đúng hồ sơ được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, không nạo vét vượt quá độ sâu cho phép;

- Áp dụng biện pháp thi công hợp lý, hạn chế thi công đồng thời trên diện rộng và ưu tiên thi công vào thời điểm thủy văn ổn định để giảm thiểu xáo trộn dòng chảy.

- Đồng thời, thực hiện gia cố, bảo vệ bờ tại các vị trí nhạy cảm hoặc có nguy cơ xói lở bằng các giải pháp kè phù hợp; quản lý chặt chẽ vật chất nạo vét, không đổ thải xuống sông gây bồi lắng thứ cấp.

- Trong suốt quá trình thi công, dự án tổ chức quan trắc, theo dõi diễn biến lòng dẫn, xói lở, bồi lắng để kịp thời phát hiện bất thường và triển khai biện pháp xử lý như gia cố bổ sung, điều chỉnh biện pháp thi công hoặc tạm dừng nạo vét khi cần thiết; đồng thời thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo theo quy định, đảm bảo không làm gia tăng nguy cơ mất ổn định lòng, bờ, bãi sông và tuân thủ các yêu cầu của pháp luật về tài nguyên nước.

2.3.2.2 Giai đoạn hoạt động

- Trong dự án có rất nhiều máy móc có khả năng gây ồn và độ rung như máy bơm, quạt thông gió, máy phát điện... Vì vậy, việc áp dụng các biện pháp chống ồn, rung cho các thiết bị, bộ phận sản xuất là rất cần thiết. Dưới đây là một số nguồn gây ô nhiễm tiếng ồn và độ rung thường gặp và biện pháp khắc phục tương ứng:

Bảng 5. Nguồn và biện pháp giảm thiểu ô nhiễm tiếng ồn và độ rung khi dự án đi vào hoạt động

TT	Nguồn ô nhiễm	Tác động của tiếng ồn và độ rung	Biện pháp giảm thiểu	Áp dụng cho công trình
1	Thiết bị trao đổi điện	Toàn bộ cấu trúc phòng	- Xử lý hấp thụ âm thanh trong tường - Cửa ngăn âm thanh - Tấm cao su cách âm	Tấm cao su ngăn âm thanh
2	Bơm	- Toàn bộ cấu trúc phòng - Đường ống	- Xử lý hấp thụ âm thanh trong tường - Cửa ngăn âm thanh - Vật liệu cách âm cho ống	- Khung ngăn rung động - Giá treo lò xo
3	Quạt	- Cấu trúc - Đường ống	- Đệm cao su chống rung - Xử lý hấp thụ âm thanh - Bộ giảm âm	- Nền ngăn rung động và giá treo lò xo - Thiết bị cố định dịch chuyển theo phương ngang
4	Ống đứng	Đường ống	Đệm gioăng giữa các ống	Đệm gioăng giữa các ống
5	Ống thẳng	Đường ống	- Bộ giảm âm - Đường ống kín khít	Lắp bộ giảm âm

- Đối với tiếng ồn phát sinh từ hoạt động sản xuất của các công ty trong cụm công nghiệp: Các công ty phải có các biện pháp riêng nhằm giảm thiểu tác động của tiếng ồn, rung phát sinh từ hoạt động sản xuất của công ty mình, đáp ứng các yêu cầu của pháp luật hiện hành. Các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, rung cụ thể của từng công ty sẽ được trình bày chi tiết trong bản Giấy phép Môi trường hoặc báo cáo ĐTM của từng dự án.

2.4 Chương trình quản lý và giám sát môi trường; phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.4.1 Chương trình quản lý môi trường

Chương trình quản lý môi trường được tổng hợp dưới dạng bảng như sau:

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
1	2	3	4	5
Thi công, xây dựng	Thu hồi đất, giải phóng mặt bằng	- Gây khó khăn trong việc thích nghi với cuộc sống mới của người dân - Gây thiệt hại về kinh tế	- Bồi thường đất thu hồi của dự án được thực hiện dựa trên các quy định pháp luật về đền bù thiệt hại giải phóng mặt bằng của trung ương và địa phương; - Đất thu hồi chủ yếu là đất nông nghiệp vì vậy tác động không lớn;	Trong suốt quá trình giải phóng mặt bằng, thu hồi đất
	Hoạt động san lấp mặt bằng	- Phát thải bụi từ quá trình đào đắp, vận chuyển đất thải bỏ - Phát thải bụi, khí thải từ hoạt động của máy móc thi công - Nước thải sinh hoạt của công nhân	- Dùng 1 xe tưới nước chuyên dụng thực hiện phun nước làm ẩm tại các khu vực xây dựng và các tuyến đường ra vào khu vực dự án; - Lắp rào chắn bằng tôn cao 2 ÷ 3 m xung quanh công trường; - Thuê 02 nhà vệ sinh di động phục vụ hoạt động sinh hoạt của công nhân.	Trong suốt thời gian thực hiện san lấp mặt bằng
	Xây dựng các công trình hạ tầng kỹ thuật, phụ trợ.	+ Bụi (do vận chuyển vật liệu, quá trình đào đắp, tập kết nguyên vật liệu. + Khí thải: phát thải từ các máy móc/thiết bị xây dựng và xe tải.	- Tất cả các xe vận chuyển đất cát, vật liệu rời đều được che phủ bạt và không chở quá tải. - Xây dựng thời gian biểu và các tuyến đường vận chuyển đất đá, vật liệu thích hợp.	Trong suốt giai đoạn xây dựng Dự án

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			- Tiến hành khoanh vùng khu vực thi công xây dựng để tránh phát tán bụi; - Tuân thủ triệt để các tiêu chuẩn và lịch bảo dưỡng thiết bị để giảm ô nhiễm không khí. - Tưới ẩm dọc theo các tuyến đường vận chuyển đất đá, vật liệu xây dựng. - Sử dụng lưới để che chắn bụi, vật liệu rơi từ trên cao khi tiến hành xây dựng.	
		Tác động do tiếng ồn và độ rung	- Quy định tốc độ, máy móc hoạt động trong khu vực, có các thiết bị giảm ồn và tuân thủ triệt để các tiêu chuẩn Việt Nam về âm học. - Định kỳ bảo dưỡng các phương tiện, thiết bị xây dựng. - Trang bị và kiểm soát sử dụng thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại công trường.	Trong suốt giai đoạn xây dựng Dự án
		Tác động tới môi trường nước: do nước mưa chảy tràn, nước thải từ công trường	Mọi chất thải rắn sẽ được thu gom tránh ảnh hưởng đến môi trường nước. - Xây rãnh thoát nước tạm thời tại khu chứa vật liệu, đất đá thừa. - Không rửa các máy móc, thiết bị tại điểm xả trực tiếp vào hệ thống thoát nước khu	Trong suốt giai đoạn xây dựng Dự án

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			vực.	
		Tác động do ô nhiễm chất thải rắn	- Đất đá xây dựng được thu gom và lưu giữ tại các khu vực đã định sẵn và dùng để san lấp mặt bằng; giám sát thường xuyên tránh đất đá, phế thải đổ bừa bãi...	Trong suốt giai đoạn xây dựng Dự án
		Ảnh hưởng đến giao thông	- Lắp đặt hệ thống đèn và biển báo tại đoạn đường rẽ vào công trường; - Không xếp, đổ vật liệu xây dựng, thiết bị, vật tư dọc theo tuyến đường nội bộ khu nhà ở thương mại; - Các xe tải vận chuyển sẽ bảo dưỡng theo định kỳ; - Không chuyên chở vật tư, vật liệu quá trọng tải, độ dài cho phép.	Trong suốt giai đoạn xây dựng Dự án
Vận hành	Hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào dự án	Phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn do hoạt động của các phương tiện giao thông trong khu vực	- Tổ chức thực hiện trồng cây xanh trong khu vực Dự án theo đúng theo quy hoạch đã phê duyệt.	Trong suốt giai đoạn vận hành dự án
			- Hoạt động quét dọn vệ sinh môi trường,... được thực hiện một cách thường xuyên.	Trong suốt giai đoạn vận hành dự án
	Hoạt động sản xuất của nhà máy thứ cấp	Ô nhiễm do nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất	- Nước thải ở các khu vệ sinh được xử lý sơ bộ tại các bể tự hoại rồi xử lý đạt TCTNNT CCN Mỹ Phú trước khi thoát vào hệ thống thu gom nước thải chung CCN Mỹ Phú để dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung công	Trong suốt giai đoạn vận hành dự án

Các giai đoạn của dự án	Các hoạt động của dự án	Các tác động môi trường	Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường	Thời gian thực hiện và hoàn thành
			suất 2.000 m^3/ngày đêm. - Thường xuyên kiểm tra, duy tu bảo dưỡng hệ thống bơm thoát nước.	
		Phát sinh chất thải rắn sinh hoạt và chất thải nguy hại	- Thu gom phân loại các thành phần chất thải sinh hoạt và chất thải nguy hại. - Khu lưu giữ chất thải được bố trí bảo đảm vệ sinh theo đúng các quy định của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư số 07/2025/TT- BTNMT. - Quy định đường vận chuyển và giờ vận chuyển chất thải. - Đối với các nhà đầu tư thứ cấp trong CCN: sẽ bố trí kho lưu chưa rác thải công nghiệp, CTNH riêng biệt. Ký Hợp đồng với công ty môi trường xử lý rác thải và chất thải nguy hại của mình.	Trong suốt giai đoạn vận hành dự án
Cải tạo phục hồi môi trường (đối với các dự án khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải)	Dự án không thuộc đối tượng khai thác khoáng sản, chôn lấp chất thải			

2.4.2 Chương trình giám sát môi trường của dự án

a. Giám sát chất lượng môi trường trong quá trình xây dựng dự án

Môi trường không khí xung quanh

- Vị trí giám sát: 01 mẫu tại khu vực thi công.

- Chỉ tiêu giám sát: Bụi lơ lửng, SO_2, CO, NO_2, tiếng ồn.

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần (trong xuất thời gian xây dựng dự án).

- Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về không khí xung quanh; QCVN 26:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn hoặc các quy chuẩn tương đương.

Giám sát chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại

Các chỉ tiêu giám sát: số lượng (kg/tháng), chủng loại và thành phần chất thải rắn phát sinh, số lượng chất thải rắn được thu gom, phân loại và tỉ lệ tái chế (%, có bao nhiêu chất thải có thể tái chế, tái sử dụng hàng tháng).

Hàng năm chủ đầu tư có trách nhiệm lập Báo cáo về tình hình phát sinh và quản lý chất thải gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh An Giang.

Giám sát khác

- Giám sát việc vận chuyển, thải đổ đất, thực vật dư thừa từ quá trình san nền;

- Giám sát việc lắp đặt và hoạt động của các nhà vệ sinh di động trên công trường;

- Giám sát việc lắp đặt các thiết bị, phương tiện thu gom CTR, CTNH trên công trường với các nội dung: tình trạng thu gom, quản lý, xử lý;

- Giám sát tình hình ngập úng khu vực lân cận khu đất dự án trong giai đoạn xây dựng.

b. Giám sát chất lượng môi trường trong quá trình dự án đi vào vận hành

Giám sát nước thải

- Giám sát liên tục:

Khi đi vào hoạt động, chủ dự án CCN Mỹ Phú tiến hành lắp đặt trạm quan trắc nước thải tự động để giám sát chất lượng nước thải đầu ra của cụm công nghiệp trước khi thải vào môi trường. Giám sát liên tục lưu lượng (đầu vào, đầu ra) và các thông số nhiệt độ, pH, COD, TSS, Amoni.

- Giám sát nước thải định kỳ:

+ Vị trí giám sát: 01 mẫu; tại điểm xả thải ra môi trường tiếp nhận;

+ Chỉ tiêu giám sát: Màu; BOD_5; As; Hg; Pb; Cd; Cr(VI); Cr(III); Cu; Zn; Ni; Mn; Fe; CN; phenol; dầu mỡ khoáng; H_2S; Florua; tổng nitơ; tổng photpho; Clorua; Clo dư; PCB; tổng Coliform.

+ Tần suất: 03 tháng/lần;

+ Quy chuẩn so sánh: QCVN 40:2025/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp, Cột A.

Giám sát chất thải rắn

- Chất thải nguy hại.

- Chất thải rắn sinh hoạt.

- Chất thải rắn có thể tái sử dụng.

- Các chỉ tiêu giám sát: Số lượng (kg/tháng), chủng loại và thành phần chất thải rắn phát sinh.

2.4.3 Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

2.4.3.1 Giai đoạn thi công xây dựng

a. Biện pháp giảm thiểu tác động do bom mìn tồn lưu trong đất

- Để tránh những rủi ro do bom mìn còn sót lại sau chiến tranh, trước khi triển khai thi công:

+ Ký kết hợp đồng với đơn vị bộ đội thuộc Bộ Quốc phòng có chức năng, chuyên môn và kinh nghiệm trong việc rà phá bom mìn.

+ Thực hiện nghiêm túc các biện pháp dò mìn, vật liệu nổ tồn lưu do đơn vị có chức năng thuộc Bộ Quốc phòng thực hiện.

+ Khi bom mìn phát hiện được, việc tháo gỡ và kích nổ theo đúng qui trình kỹ thuật về xử lý bom mìn do các đơn vị chức năng thực hiện.

- Khảo sát điều tra đánh giá mật độ cây cối, tính hiệu trên mặt bằng thi công của dự án ở các độ sâu đến 0,3m và tự độ sâu 0,3m đến 3,0m tính từ mặt đất tự nhiên;

- Đánh giá cấp đất đá trên khu vực dò tìm;

- Thu thập điều tra tình hình dân cư, kinh tế chính trị, xã hội khu vực thi công dò tìm và xử lý bom mìn.

b. Biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu sự cố va chạm, tai nạn giao thông đường thủy

- Trong mọi trường hợp, Nhà thầu sẽ thông tin hàng ngày về tình hình giao thông tại khu vực thi công với Chủ đầu tư, Đơn vị điều khiển giao thông và các cơ quan quản lý Nhà nước có liên quan.

- Phối hợp với đơn vị chức năng để đảm bảo an toàn, đặc biệt là các tuyến phà trong khu vực.

- Trong trường hợp được cấp phép thi công ban đêm, tàu nạo vét và các thiết bị phụ trợ khác làm việc trên luồng phải được thắp sáng đầy đủ.

- Trường hợp hoạt động của công trình xảy ra sự cố Chủ dự án và nhà thầu thi công sẽ chịu trách nhiệm bồi thường, khắc phục theo quy định hiện hành của pháp luật.

c. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố sụt lún, sạt lở đường bờ; địa hình đáy luồng

- Thi công tuân thủ theo đúng hồ sơ thiết kế của công trình: độ sâu nạo vét, kiểm tra phạm vi, cao độ và mái dốc của khu vực nạo vét theo đúng yêu cầu của hồ sơ thiết kế. Khu vực thi công có báo hiệu bằng cờ, phao dễ nhận biết hoặc bằng đèn ban đêm.

-Theo dõi độ sâu nạo vét để đảm bảo không nạo vét quá độ sâu cho phép, lập kế hoạch thi công hợp lý và tổ chức giám sát thi công chặt chẽ.

- Các phương tiện thi công tuân thủ theo kế hoạch thi công, người vận hành thiết bị thi công phải tuân thủ kỹ thuật, không thi công tập trung tại một điểm gây hố xoáy.

- Phối hợp người dân, chính quyền giám sát bờ sông; dừng thi công nếu xảy ra sạt lở.

- Báo cáo ngay cho UBND và cơ quan chức năng để xử lý.

- Khoanh vùng, thả phao, cắm biển cảnh báo, hạn chế tàu thuyền.

- Tổ chức trực bảo vệ, theo dõi và xử lý kịp thời.

- Thực hiện khắc phục và bồi thường thiệt hại theo quy định.

d. Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn lao động

- Chủ đầu tư thiết lập các quy định về an toàn lao động trong quá trình xây dựng;

- Thiết lập và thực hiện các chương trình định kỳ kiểm tra cho các nhân viên và người lao động;

- Đào tạo và cung cấp thông tin về vệ sinh, an toàn lao động;

- Người làm việc được trang bị đầy đủ với các trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết;

- Thiết lập hệ thống thông tin liên lạc tương xứng để đảm bảo an toàn lao động trong thời gian thực hiện của dự án.

- Thiết lập kế hoạch giải cứu khi tai nạn xảy ra.

e. Biện pháp phòng ngừa sự cố tai nạn giao thông

- Lắp biển báo có phản quang, tháo dỡ sau thi công.

- Bố trí đèn tín hiệu cảnh báo tại khu vực thi công.

- Yêu cầu tài xế tuân thủ giao thông, không sử dụng rượu bia, có người thay ca.

- Người lái xe phải có bằng lái hợp lệ.

- Thông báo trước cho người dân để chủ động chọn tuyến đường thay thế.

f. Biện pháp phòng ngừa sự cố cháy nổ

- Lưu trữ xăng dầu an toàn, cách xa nguồn cháy, có biển cảnh báo.

- Cấm hút thuốc, dùng nguồn lửa tại khu vực dễ cháy nổ.

- Kiểm tra thường xuyên, tránh rò rỉ nhiên liệu.

- Trang bị bình chữa cháy CO_2 tại công trường.

- Lắp biển cấm lửa tại khu vực nguy hiểm.

- Áp dụng đồng bộ biện pháp kỹ thuật và huấn luyện PCCC.

- Hạn chế chất cháy nổ, tránh rò rỉ dầu mỡ.

- Thiết bị điện đảm bảo an toàn, có bảo vệ quá tải.

- Nâng cao ý thức phòng cháy cho công nhân.

2.4.3.2 Giai đoạn hoạt động

a. Biện pháp giảm thiểu cháy nổ

- Bố trí tổng đồ và khoảng cách phòng hỏa giữa các vật kiến trúc của công trình tuân thủ "Quy phạm phòng chống cháy cho công trình".

- Xây dựng hệ thống cấp nước cứu hoả với lưu lượng cấp nước cứu hoả ngoài nhà 30 l/s, lưu lượng cấp nước cứu hoả trong nhà 20 l/s.

- Tại các buồng điều khiển, buồng phân phối cao hạ thế, buồng máy biến thế, lắp đặt bộ cảm biến khói, cảm biến nhiệt độ và bộ cảnh báo bằng đèn, còi.

-Tất cả lỗ cáp vào ra trạm biến thế, buồng điện đều sử dụng vật liêu chống cháy, cáp điện, liệu quét chống cháy hoặc cuốn băng chống cháy, khu nhiệt độ cao dùng cáp chịu nhiệt khó cháy.

**Biện pháp phòng cháy, chữa cháy*

- Biện pháp báo cháy:

+ Lắp đặt thiết bị phát hiện cháy, khói: đầu báo khói, đầu báo nhiệt.

+ Lắp đặt chuông báo cháy, đèn báo cháy.

+ Lắp đặt tủ điều khiển báo cháy trung tâm.

- Biện pháp chữa cháy:

+ Hệ thống chữa cháy ngoài nhà: bố trí họng đôi tại vỉa hè, gần trục giao thông chính.

+ Hệ thống trong nhà: kết hợp sprinkler và họng chữa cháy vách tường.

+ Chữa cháy ban đầu: dùng bình bột ABC (4 kg) và bình CO_2 (3 kg).

+ Hệ thống chữa cháy tự động Sprinkler tự động kích hoạt khi đạt nhiệt độ ngưỡng.

+ Hệ thống chữa cháy họng nước vách tường bố trí tại lối ra vào, cầu thang; đảm bảo 2 vòi vươn tới, cao 1,25 m.

- Hệ thống cấp nước chữa cháy:

+ Hệ thống cấp nước PCCC thiết kế theo TCVN 2622:1995.

+ Áp lực nước ≥ 10 m, hệ thống áp lực thấp.

+ Trụ cứu hỏa bố trí dọc đường, khoảng cách ≤ 150 m (theo TCVN 6379:1998).

+ Ống nối D125, có van cách ly phục vụ bảo dưỡng.

+ Bể chứa & trạm bơm: đảm bảo nước cho sản xuất, 70% sinh hoạt và chữa cháy 3 giờ (2 đám cháy, 20 l/s/đám).

b. Biện pháp an toàn lao động

An toàn lao động đối với cán bộ vận hành trạm xử lý nước thải: Khi phát hiện có sự cố xảy ra tai nạn lao động, cháy nổ hoặc hư hỏng máy móc thiết bị, nhân viên phải cắt ngay hệ thống điện nguồn cấp vào nhanh chóng báo ngay cho cán bộ phụ trách trực tiếp biết và phải thực hiện ngay các biện pháp khắc phục để đảm bảo an toàn lao động và vận hành liên tục của hệ thống.

c. Biện pháp an toàn vệ sinh thực phẩm

- Nguyên liệu để chế biến thực phẩm phải bảo đảm vệ sinh an toàn theo quy định của pháp luật.

- Sẽ thực hiện mọi biện pháp để thực phẩm không bị nhiễm bẩn, nhiễm mầm bệnh có thể lây truyền sang người, động vật, thực vật.

- Đảm bảo quy trình chế biến phù hợp với quy định của pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sử dụng các thiết bị, dụng cụ có bề mặt tiếp xúc trực tiếp với thực phẩm được chế tạo bằng vật liệu bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn thực phẩm.

- Sử dụng đồ chứa đựng, bao gói, dụng cụ, thiết bị bảo đảm yêu cầu vệ sinh an toàn, không gây ô nhiễm thực phẩm;

- Sử dụng nước để chế biến thực phẩm đạt quy chuẩn quy định;

- Dùng chất tẩy rửa, chất diệt khuẩn, chất tiêu độc an toàn không ảnh hưởng xấu đến sức khỏe, tính mạng của con người và không gây ô nhiễm môi trường.

d. Biện pháp an toàn dịch bệnh và bệnh nghề nghiệp

- Tổ chức khám sức khỏe định kì cho cán bộ, công nhân viên 01 lần/năm.

- Tạo điều kiện cho những cán bộ công nhân viên bị ốm do dịch bệnh để tránh lây lan cho những người khác.

- Các công ty trong cụm công nghiệp có trách nhiệm thực hiện các biện pháp an toàn dịch bệnh và bệnh nghề nghiệp của cán bộ công nhân viên trong công ty của mình theo quy định của pháp luật.

e. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó của sự cố hệ thống xử lý nước thải

Biện pháp phòng ngừa sự cố mạng lưới thu gom nước thải

- Thường xuyên kiểm tra hoạt động phát sinh nước thải từ các doanh nghiệp, kiểm tra đấu nối và song chắn rác.

- Thường xuyên kiểm tra bảo dưỡng nạo vét đường ống để phát hiện và xử lý kịp thời trường hợp sự cố tắc nghẽn và rò rỉ trong hệ thống xử lý nước thải.

- Thường xuyên vệ sinh và nạo vét các hố ga.

- Trang bị bơm dự phòng để đối phó với trường hợp sự cố cần thiết về thiết bị.

Đối với biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố đối với trạm xử lý nước thải tập trung

- Giám sát định kỳ (3 tháng/lần hoặc khi bất thường) và yêu cầu các doanh nghiệp tuân thủ quy định xả thải của CCN.

- Ngoài ra, để giảm thiểu các sự cố đối với Trạm XLNT tập trung, Công ty đưa ra các biện pháp như:

- Sử dụng vật liệu bền, chống ăn mòn; trang bị thiết bị dự phòng.

- Bể điều hòa, bể lắng hỗ trợ điều tiết và lưu trữ khi sự cố.

- Tuân thủ quy trình vận hành, bảo dưỡng; quan trắc định kỳ.

- Ghi nhật ký vận hành, kiểm tra lưu lượng, chất lượng nước thải hàng ngày.

- Kiểm tra cảm quan, pH, DO, SVI, MLSS định kỳ.

- Kiểm soát bùn hoạt tính, lấy mẫu và đánh giá thường xuyên.

- Duy trì hệ keo tụ, đảm bảo hóa chất và bảo trì định kỳ.

- Lắp hệ thống giám sát tự động nước thải đầu ra.

2.5 Các nội dung khác

- Phương án cải tạo phục hồi môi trường đối với dự án khai thác khoáng sản hoặc chôn lấp chất thải (nếu có): Không có.

- Phương án bồi hoàn đa dạng sinh học đối với dự án có phương án bồi hoàn đa dạng sinh học theo quy định của pháp luật (nếu có): Không có.

3. Cam kết của Chủ dự án

- Chủ đầu tư cam kết thực hiện Luật Bảo vệ môi trường và các luật liên quan đến môi trường, các Nghị định của Chính phủ và Thông tư về hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và các luật liên quan.

- Chủ đầu tư cam kết thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiêu tác động xấu của dự án đến môi trường trong các giai đoạn của dự án. Công tác xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung sẽ được hoàn thành trước khi CCN đi vào hoạt động. Các số liệu giám sát sẽ được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra khi cần.

- Cam kết đấu nối đồng bộ hệ thống đường giao thông, hạ tầng kỹ thuật của CCN Mỹ Phú (hệ thống cấp nước; hệ thống thoát nước mưa, nước thải; hệ thống cấp điện, hệ thống giao thông,…) với các khu vực xung quanh như theo quy hoạch.

- Các cam kết thực hiện các công trình, biện pháp giảm thiểu tác động xấu đến môi trường theo báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt

- Chủ đầu tư cam kết thu gom, xử lý các chất thải phát sinh đảm bảo đúng theo quy định hiện hành. Đối với nước thải được xử lý đạt QCVN 40:2025/BNNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp cột A trước khi thoát ra nguồn tiếp nhận là Sông Hậu. Thực hiện thu gom và bố trí kho lưu giữ tạm thời chất thải rắn và hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển xử lý đúng quy định.

- Chủ đầu tư cam kết đảm bảo nguồn lực về nhân sự, thiết bị và tài chính cho công tác bảo vệ môi trường đối với dự án.

- Chủ đầu tư cam kết thuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam về môi trường đối với dự án.

- Cam kết chịu mọi trách nhiệm về đền bù theo đúng quy định của pháp luật nếu để xảy ra các vấn đề ô nhiễm môi trường, sự cố môi trường ảnh hưởng xấu đến đời sống nhân dân và môi trường ở các khu vực xung quanh dự án.

- Cam kết bồi thường thiệt hại nếu để xảy ra bất kỳ rủi ro, sự cố do hoạt động của Dự án có ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường và người dân xung quanh khu vực dự án.

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

M.S.D.N: 1601...4707 CÔNG TY TNHH MỸ LUÔNG 68... P.CHÂU ĐỐC-T.AN GIANG

TRẦN ĐÌNH HUẤN